

Số: /2021/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ
cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước tại các tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương**

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy
định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy
định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và
Công nghệ;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Phát triển khoa học và công nghệ địa
phương và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;*

*Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý nhiệm vụ khoa
học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh và cấp cơ sở.*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh và cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở), bao gồm:

- Chương trình KH&CN cấp tỉnh;
- Đề án KH&CN cấp tỉnh;
- Đề tài KH&CN cấp tỉnh;
- Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh;
- Dự án KH&CN cấp tỉnh;
- Đề tài KH&CN, dự án KH&CN tiềm năng cấp tỉnh;
- Đề tài KH&CN cấp cơ sở;
- Dự án KH&CN cấp cơ sở.

2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở; tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh*: là đề xuất nhiệm vụ KH&CN của các cơ quan, tổ chức, cá nhân với cơ quan chuyên môn về KH&CN thuộc UBND cấp tỉnh để xem xét đặt hàng.
2. *Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở*: là đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở của các tổ chức, cá nhân với các đơn vị trực thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN (gọi tắt là cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp) để xem xét đặt hàng.
3. *Đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh*: là việc UBND cấp tỉnh đưa ra yêu cầu về mục tiêu, sản phẩm KH&CN, kinh phí để các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN có đủ năng lực triển khai thực hiện thông qua hợp đồng.
4. *Đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở*: là việc cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN đưa ra yêu cầu về mục tiêu, sản phẩm KH&CN, kinh phí để các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN có đủ năng lực triển khai thực hiện thông qua hợp đồng.
5. *Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN*: là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện, năng lực tốt nhất thông qua việc xem xét, đánh giá các hồ sơ đăng ký tuyển chọn để thực hiện nhiệm vụ KH&CN.
6. *Giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN*: là việc chỉ định tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện, năng lực để thực hiện nhiệm vụ KH&CN.
7. *Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ*: thuộc UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) là Sở Khoa học và Công nghệ; Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp huyện) là Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng.

Điều 3. Yêu cầu đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở

1. Chương trình KH&CN cấp tỉnh: có mục tiêu tạo ra kết quả KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao tiềm lực KH&CN; ứng dụng và phát triển công nghệ ưu tiên; phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm lợi thế của địa phương trong giai đoạn 5 năm hoặc 10 năm.

Nội dung chương trình bao gồm những nhiệm vụ KH&CN có quan hệ về chuyên môn và phù hợp với nguồn lực KH&CN ở địa phương.

Các kết quả đều thể hiện tính mới, tính tiên tiến, có khả năng ứng dụng cao và đáp ứng được các mục tiêu của chương trình.

2. Đề án KH&CN cấp tỉnh: kết quả nghiên cứu là những đề xuất hoặc dự thảo cơ chế chính sách, quy trình, quy phạm, văn bản pháp luật với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoạch định và thực hiện các định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh ở địa phương.

3. Đề tài KH&CN cấp tỉnh gồm:

a) Đề tài trong lĩnh vực khoa học công nghệ và kỹ thuật phải có tính khả thi, tính mới, không trùng lặp với các đề tài đã và đang thực hiện, có địa chỉ ứng dụng và đáp ứng một trong các yêu cầu sau đây:

- Sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến tạo ra có triển vọng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả;

- Được hoàn thành ở dạng mẫu và sẵn sàng chuyển sang giai đoạn sản xuất thử nghiệm để hoàn thiện;

- Có khả năng được cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng.

b) Đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: sản phẩm khoa học và công nghệ tạo ra được luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện các định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương.

4. Dự án sản xuất thử nghiệm: nhiệm vụ ứng dụng kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án KH&CN để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi áp dụng vào sản xuất và đời sống.

5. Dự án KH&CN cấp tỉnh: nhiệm vụ KH&CN nhằm giải quyết các vấn đề cấp thiết của địa phương, doanh nghiệp (ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN; đổi mới công nghệ, cải tiến thiết bị, hoàn thiện quy trình, tạo sản phẩm mới; tạo lập khai thác phát triển tài sản trí tuệ...), góp phần nâng cao trình độ công nghệ của doanh nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

6. Đề tài KH&CN, dự án KH&CN tiềm năng cấp tỉnh: nhiệm vụ KH&CN nghiên cứu giải quyết những vấn đề KH&CN đòi hỏi tính ứng dụng cao và có triển vọng tạo ra, phát triển hướng nghiên cứu mới hoặc sản phẩm mới thuộc lĩnh vực KH&CN ưu tiên, trọng điểm của địa phương.

7. Đề tài KH&CN cấp cơ sở: nhiệm vụ KH&CN nhằm giải quyết các vấn đề KH&CN của cơ sở và do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN ký hợp đồng thực hiện.

8. Dự án KH&CN cấp cơ sở: nhiệm vụ KH&CN áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề cấp thiết của địa phương, doanh nghiệp do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách nhà nước sự nghiệp KH&CN ký hợp đồng thực hiện.

Điều 4. Mã số của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở

Nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh, cấp cơ sở được ghi như sau: ĐTCNCT.XX/YY; DACNCT.XX/YY; ĐTXHCT.XX/YY; ĐACT.XX/YY; CTKHCNCT.XX/YY; ĐTCNCCS.XX/YY; DACNCCS.XX/YY.

Trong đó:

1. ĐTCNCT: ký hiệu chung cho các đề tài KH&CN cấp tỉnh.
2. ĐTCNCS: ký hiệu chung cho các đề tài KH&CN cấp cơ sở.
3. DACNCT: ký hiệu chung cho các dự án KH&CN cấp tỉnh.
4. DACNCS: ký hiệu chung cho các dự án KH&CN cấp cơ sở.
5. ĐTXHCT: ký hiệu chung cho các đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp tỉnh.
6. ĐACT: ký hiệu chung cho các đề án KH&CN cấp tỉnh.
7. CTKHCNCT: ký hiệu chung cho các Chương trình KH&CN cấp tỉnh.
8. Nhóm XX: nhóm 2 chữ số ghi số thứ tự của các nhiệm vụ theo từng nhóm trong năm bắt đầu thực hiện.
9. Nhóm YY: nhóm 02 chữ số ghi hai số cuối của năm bắt đầu thực hiện.
10. Giữa nhóm các chữ cái ký hiệu lĩnh vực với nhóm chữ số thứ tự các nhiệm vụ là dấu chấm; giữa nhóm chữ số thứ tự nhiệm vụ với nhóm chữ số ký hiệu năm bắt đầu thực hiện là dấu gạch chéo.

Chương II

ĐỀ XUẤT, XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH, CẤP CƠ SỞ

Điều 5. Đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở

1. Căn cứ đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

- Nghị quyết, chỉ thị, chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của địa phương.
- Chỉ đạo của Tỉnh ủy/Thành ủy, HĐND, UBND cấp tỉnh.
- Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 5 năm và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; hướng dẫn của Sở KH&CN.

2. Căn cứ đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

Nhu cầu thực tiễn nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN phục vụ quản lý nhà nước của các sở, ban, ngành, đoàn thể, hiệp hội, đơn vị thuộc cấp tỉnh, cấp huyện; sản xuất kinh doanh của hợp tác xã, doanh nghiệp.

3. Đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

Hàng năm, căn cứ vào Khoản 1 nêu trên và hướng dẫn xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách hoạt động KH&CN của Bộ KH&CN; các tổ chức, cá

nhân xây dựng đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh gửi Sở KH&CN (bằng hình thức trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công của địa phương).

4. Đề xuất nhiệm vụ cấp cơ sở

Căn cứ vào Khoản 2 nêu trên, các tổ chức, cá nhân xây dựng đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở gửi các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách nhà nước sự nghiệp KH&CN tổng hợp gửi Sở KH&CN tổng hợp chung trong kế hoạch KH&CN hằng năm.

5. Đề xuất các nhiệm vụ KH&CN đột xuất phát sinh cấp tỉnh

Khi có vấn đề đặc biệt quan trọng, khẩn cấp về an ninh, quốc phòng, an ninh lương thực, an ninh năng lượng, ứng phó biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và những vấn đề phát sinh khác, các tổ chức, cá nhân, đơn vị, doanh nghiệp xây dựng đề xuất nhiệm vụ KH&CN gửi Sở KH&CN tổng hợp báo cáo UBND cấp tỉnh xem xét quyết định.

Điều 6. Tổng hợp danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở

Sở KH&CN, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách nhà nước sự nghiệp KH&CN tổng hợp đề xuất đặt hàng gồm: tên nhiệm vụ; định hướng mục tiêu; yêu cầu đối với kết quả bảo đảm đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 3 và khoản 1, 2 Điều 5 của Thông tư này. Việc nộp đề xuất theo hình thức trực tiếp hoặc qua Bưu điện hoặc trực tuyến qua cổng dịch vụ công của địa phương.

Đối với các nhiệm vụ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 5 Thông tư này, sau khi nhận được đề xuất nhiệm vụ, Sở KH&CN ưu tiên tổng hợp và báo cáo UBND cấp tỉnh xem xét quyết định.

Điều 7. Xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở

Việc tổ chức xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở được thông qua Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ bằng hình thức họp trực tiếp hoặc trực tuyến.

1. Đối với nhiệm vụ cấp tỉnh

- Giám đốc Sở KH&CN quyết định thành lập Hội đồng tư vấn chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực của đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh. Hội đồng có từ 05 đến 07 thành viên gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên là các chuyên gia KH&CN, cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn, thuộc các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu.

- Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất 05 thành viên trong đó phải có chủ tịch hoặc phó chủ tịch được chủ tịch hội đồng ủy quyền, các ủy viên phản biện. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đánh giá trung thực, khách quan, công bằng. Kết luận của hội đồng được thông qua khi trên 3/4 số thành viên của hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức bỏ phiếu.

- Tài liệu được gửi đến các thành viên hội đồng ít nhất 03 ngày làm việc trước phiên họp hội đồng để nghiên cứu, nhận xét đánh giá.

- Thành viên hội đồng có trách nhiệm: Nghiên cứu tài liệu do Sở KH&CN cung cấp (đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh) và nhận xét, đánh giá đề xuất đặt hàng. Các ủy viên phản biện có trách nhiệm bổ sung, điều chỉnh các nội dung mới cho nhiệm vụ KH&CN dự kiến đặt hàng để thảo luận trong cuộc họp của hội đồng. Thành viên hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của hội đồng. Thành viên hội đồng, thư ký hành chính có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá, kết quả đánh giá đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN, không được lưu giữ, công bố và sử dụng đề xuất đặt hàng trái với quy định pháp luật hoặc chưa có sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đối với nhiệm vụ cấp cơ sở

- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở. Hội đồng có 03 hoặc 05 thành viên gồm: Chủ tịch và các thành viên là các chuyên gia KH&CN, cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn, thuộc các ngành, lĩnh vực của đề xuất đặt hàng.

- Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất 03 thành viên trong đó phải có chủ tịch và các ủy viên phản biện.

Điều 8. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở

1. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

Căn cứ kết quả của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, Sở KH&CN tổng hợp trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

2. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

Căn cứ kết quả của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN tổng hợp trình Giám đốc Sở KH&CN phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

3. Việc đề xuất, xác định nhiệm vụ, phê duyệt danh mục nhiệm vụ vận dụng theo Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN.

Chương III

TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH, CẤP CƠ SỞ

Điều 9. Tuyển chọn nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt danh mục các nhiệm vụ KH&CN, Sở KH&CN thông báo tuyển chọn tổ chức chủ trì, cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ trên cổng thông tin điện tử của cấp tỉnh và

trang thông tin điện tử của Sở KH&CN hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác trong thời gian 20 ngày.

a) Yêu cầu đối với tổ chức chủ trì

Có hoạt động phù hợp với lĩnh vực của nhiệm vụ KH&CN, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản.

Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp, tổ chức chủ trì thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ KH&CN:

- Chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở theo quy định;
- Chưa hoàn thành thủ tục quyết toán, giao nộp, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở khác có sử dụng ngân sách nhà nước;
- Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở khác tại nơi đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 01 năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

b) Yêu cầu đối với cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ

Có trình độ cao đẳng trở lên; có chuyên môn phù hợp với nội dung nhiệm vụ KH&CN; có đủ khả năng tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp, cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh:

- Đang làm chủ nhiệm 01 nhiệm vụ cấp quốc gia hoặc 02 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp bộ sử dụng ngân sách nhà nước khác;
- Chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN khác do mình làm chủ nhiệm nhiệm vụ theo hợp đồng, bao gồm thời gian được gia hạn (nếu có) mà không có ý kiến chấp thuận của cấp có thẩm quyền;
- Có nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở do mình làm chủ nhiệm bị đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” trong thời gian là 02 năm;
- Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở khác do mình làm chủ nhiệm trong thời gian 02 năm kể từ khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

c) Việc tuyển chọn phải bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng; kết quả tuyển chọn phải được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của cấp tỉnh và trang thông tin điện tử của Sở KH&CN hoặc các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 10. Tuyển chọn nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN thông báo tuyển chọn cho tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện trong thời gian 10 ngày.

a) Yêu cầu đối với tổ chức chủ trì

Có hoạt động phù hợp với lĩnh vực của nhiệm vụ, có tư cách pháp nhân.

Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp, tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ KH&CN:

- Chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở theo quy định;
- Chưa hoàn thành thủ tục quyết toán, giao nộp, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở khác có sử dụng ngân sách nhà nước;
- Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở khác tại nơi đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 01 năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

b) Yêu cầu đối với cá nhân đăng ký chủ nhiệm

Có trình độ cao đẳng trở lên (trường hợp khác do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN quyết định); có chuyên môn phù hợp và đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ.

c) Việc tuyển chọn phải bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng; kết quả tuyển chọn phải được công bố công khai tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN.

Điều 11. Giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở

Các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở được giao trực tiếp khi đáp ứng một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật khoa học và công nghệ năm 2013 và Điều 3 Luật Sở hữu trí tuệ.

Sở KH&CN thông báo đến các tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được giao trực tiếp.

Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN, thông báo đến các tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được giao trực tiếp.

Điều 12. Nộp hồ sơ và mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở

1. Nộp hồ sơ đăng ký tuyển chọn

a) Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp gồm 01 bộ hồ sơ trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự

Unicode theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6909:2001, cỡ chữ 14 và 01 bản điện tử của hồ sơ (dạng PDF, lưu trong USB và không đặt mật khẩu). Toàn bộ hồ sơ được đóng gói, có niêm phong và bên ngoài ghi rõ:

- Tên nhiệm vụ KH&CN đăng ký tham gia tuyển chọn;
- Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì, tên chủ nhiệm nhiệm vụ;
- Danh mục tài liệu có trong hồ sơ.

b) Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn phải nộp đúng hạn theo thông báo tuyển chọn, ngày nhận hồ sơ được tính là ngày ghi của dấu Bưu điện (đối với trường hợp gửi qua Bưu điện), hoặc ngày ghi của Phiếu nhận hồ sơ của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN (đối với trường hợp gửi trực tiếp).

c) Khi chưa hết hạn nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn có quyền rút hồ sơ đã nộp để thay bằng hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ sơ đã nộp. Việc hoàn tất phải trước thời hạn nộp hồ sơ.

2. Nộp hồ sơ giao trực tiếp

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo của Sở KH&CN và cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý ngân sách sự nghiệp KH&CN, tổ chức, cá nhân được chỉ định giao trực tiếp gửi hồ sơ về Sở KH&CN (đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh) và cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý ngân sách sự nghiệp KH&CN (đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở) theo đường Bưu điện hoặc gửi trực tiếp. Hồ sơ đăng ký tham gia giao trực tiếp gồm 01 bộ hồ sơ trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6909:2001, cỡ chữ 14 và 01 bản điện tử của hồ sơ (dạng PDF, lưu trong USB và không đặt mật khẩu).

3. Mở hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Sở KH&CN mở, kiểm tra và xác nhận tình trạng, số lượng, thành phần hồ sơ, kiểm tra các thông tin hồ sơ, xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ với sự tham dự của đại diện tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp. Hồ sơ hợp lệ được đưa vào xem xét, đánh giá là hồ sơ đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều này. Kết quả mở hồ sơ được ghi thành biên bản.

Sở KH&CN thông báo kết quả tuyển chọn tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh trên cổng thông tin cấp tỉnh và trang thông tin của Sở KH&CN.

Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN thông báo kết quả tuyển chọn tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

4. Hồ sơ đăng ký, tuyển chọn giao trực tiếp vận dụng theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN

quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 13. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp và Tổ thẩm định nội dung và kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở

1. Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký, Giám đốc Sở KH&CN quyết định thành lập Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp và Tổ thẩm định nội dung và kinh phí.

Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp có từ 05 đến 07 thành viên, bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên khác. Thành viên Hội đồng là cán bộ KH&CN; chuyên gia hoặc cán bộ quản lý thuộc các ngành, lĩnh vực liên quan, doanh nghiệp dự kiến thụ hưởng kết quả của nhiệm vụ (nếu có). Ủy viên phản biện là người có kinh nghiệm, chuyên môn sâu trong lĩnh vực mà nhiệm vụ được xem xét; các thành viên đã tham gia Hội đồng xác định nhiệm vụ được ưu tiên mời tham gia Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp. Đối với các nhiệm vụ KH&CN phức tạp hoặc có yêu cầu đặc thù, Giám đốc Sở KH&CN có thể quyết định số lượng thành viên nhiều hơn quy định này.

Cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ; cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì, tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ không được là thành viên Hội đồng.

2. Tổ thẩm định nội dung và kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

Gồm 05 thành viên, trong đó: Tổ trưởng là đại diện lãnh đạo Sở KH&CN; Tổ phó là đại diện của Sở Tài chính; 01 thành viên là chủ tịch hoặc phó chủ tịch hoặc ủy viên phản biện của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp; 02 thành viên là đại diện bộ phận quản lý tài chính và phòng chuyên môn thuộc Sở KH&CN.

3. Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN quyết định thành lập Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp và Tổ thẩm định nội dung và kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

Hội đồng tuyển chọn, xét giao trực tiếp có từ 03 hoặc 05 thành viên, bao gồm chủ tịch và các thành viên. Thành viên Hội đồng là cán bộ KH&CN; chuyên gia hoặc cán bộ quản lý thuộc các ngành, lĩnh vực liên quan; doanh nghiệp dự kiến thụ hưởng kết quả của nhiệm vụ (nếu có). Các thành viên đã tham gia Hội đồng xác định nhiệm vụ được ưu tiên mời tham gia Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp.

Cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ; cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì, tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ không được là thành viên Hội đồng.

4. Tổ thẩm định nội dung và kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

Gồm 03 thành viên, trong đó lãnh đạo cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN là Tổ trưởng, 01 thành viên là chủ tịch hoặc ủy viên của Hội đồng xét giao trực tiếp, 01 thành viên là đại diện bộ phận quản lý tài chính của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN.

5. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp cấp tỉnh, cấp cơ sở

Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập, Hội đồng tiến hành họp theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến.

a) Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng, trong đó có chủ tịch hoặc phó chủ tịch được ủy quyền và có ít nhất 01 ủy viên phản biện có mặt (nhưng phải có đủ 02 bản nhận xét của 02 ủy viên phản biện).

b) Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

Hội đồng tiến hành họp khi có mặt ít nhất 03 thành viên Hội đồng, trong đó có chủ tịch và ủy viên.

c) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đánh giá trung thực, khách quan, công bằng, chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá, trách nhiệm tập thể về kết luận của Hội đồng.

Các thành viên Hội đồng nhận tài liệu, hồ sơ trước khi họp Hội đồng ít nhất 03 ngày làm việc để nghiên cứu, nhận xét, đánh giá bằng phiếu đánh giá theo phương pháp chấm điểm các nhóm chỉ tiêu. Các thành viên hội đồng bỏ phiếu đánh giá chấm điểm cho từng hồ sơ theo phương thức bỏ phiếu kín.

Tổ chức, cá nhân được Hội đồng đề nghị trúng tuyển có tổng số điểm trung bình cao nhất và không có nhóm chỉ tiêu nào có quá 1/3 thành viên Hội đồng có mặt đánh giá 0 điểm.

Các thành viên Hội đồng, thư ký hành chính có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến đánh giá, kết quả đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp; không được lưu giữ, khai thác, công bố và sử dụng hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trái với quy định của pháp luật hoặc chưa được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền.

6. Nguyên tắc làm việc của Tổ thẩm định nội dung và kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở hoàn thiện thuyết minh nhiệm vụ theo ý kiến kết luận của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp, có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng hoặc 02 ủy viên phản biện; dự toán chi tiết kinh phí và giải trình các khoản chi thực hiện nhiệm vụ gửi Sở KH&CN (đối với nhiệm vụ KH&CN cấp

tỉnh), gửi cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN (đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở).

Sau 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ thuyết minh và dự toán kinh phí nhiệm vụ, Tổ thẩm định nội dung và kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở (gọi chung là Tổ thẩm định) tiến hành họp.

Tổ thẩm định làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đánh giá trung thực, khách quan, công bằng, minh bạch, chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả thẩm định, chịu trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Tổ thẩm định.

Tổ thẩm định đánh giá và thẩm định nội dung và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN bằng phiếu thẩm định các nội dung, công việc phù hợp với kết luận của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp theo định mức kinh tế - kỹ thuật và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước. Tổ thẩm định thảo luận và kiến nghị tổng mức kinh phí, nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ, xác định dự toán khoán chi từng phần, khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, phân kỳ kinh phí theo năm ngân sách.

7. Các biểu mẫu của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp và Tổ thẩm định nội dung và kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN vận dụng theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 14. Phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp và kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định kinh phí, tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ hoàn thiện hồ sơ nộp cho Sở KH&CN (đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh). Nộp cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN (đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở) để phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp và kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

1. Hồ sơ trình phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN

a) Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp được hoàn thiện theo biên bản của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp và biên bản của Tổ thẩm định nội dung và kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

b) Biên bản họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp và Biên bản họp Tổ thẩm định nội dung và kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

c) Hồ sơ, tài liệu liên quan khác (nếu có).

2. Phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh
Sở KH&CN tổng hợp trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt kết quả tuyển chọn tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí và thời gian thực hiện

nhiệm vụ. Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét phân cấp, ủy quyền cho Giám đốc Sở KH&CN phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí và thời gian thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh phù hợp với thực tế địa phương.

3. Phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí và thời gian thực hiện nhiệm vụ và gửi Sở KH&CN để tổng hợp.

Chương IV

KÝ HỢP ĐỒNG, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH, CẤP CƠ SỞ

Điều 15. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở

1. Căn cứ quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí và thời gian thực hiện nhiệm vụ, Sở KH&CN thông báo công khai kết quả phê duyệt trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin điện tử của Sở KH&CN. Giám đốc Sở KH&CN phê duyệt thuyết minh và ký hợp đồng với tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN thông báo công khai kết quả phê duyệt; ký thuyết minh, ký hợp đồng với Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ cấp cơ sở.

3. Mẫu hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN vận dụng theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN ban hành Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Điều 16. Kiểm tra, đánh giá thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh, cấp cơ sở

1. Kiểm tra, đánh giá: Định kỳ 01 lần/năm kể từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực. Kiểm tra đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ.

2. Nội dung kiểm tra, đánh giá: Tiến độ thực hiện; nội dung đã hoàn thành; nội dung đang triển khai; sản phẩm đã đạt được; tình hình sử dụng kinh phí; các nội dung khác (nếu có).

3. Thành phần đoàn kiểm tra, đánh giá: Giám đốc Sở KH&CN thành lập Đoàn kiểm tra đánh giá nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, bao gồm: đại diện lãnh đạo Sở, đơn vị chuyên môn, đơn vị quản lý tài chính thuộc Sở KH&CN. Trường hợp khác do Giám đốc Sở KH&CN quyết định.

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN thành lập Đoàn kiểm tra đối với nhiệm vụ cấp cơ sở.

4. Sở KH&CN hướng dẫn tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ cấp tỉnh, cấp cơ sở xây dựng báo cáo đánh giá định kỳ hoặc đột xuất.

5. Trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá và các biểu mẫu vận dụng theo Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ

KH&CN Quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước này.

Điều 17. Điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở

1. Điều chỉnh tên, mục tiêu và sản phẩm của nhiệm vụ

a) Nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng: Không được phép điều chỉnh.

b) Nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán một phần:

Giám đốc Sở KH&CN quyết định việc điều chỉnh đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (trường hợp cần thiết tham khảo ý kiến của chuyên gia).

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN quyết định đối việc điều chỉnh với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

2. Điều chỉnh nội dung

a) Đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán một phần:

Giám đốc Sở KH&CN xem xét quyết định điều chỉnh đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (trường hợp cần thiết tham khảo ý kiến của chuyên gia).

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quyết định điều chỉnh đối với nhiệm vụ cấp cơ sở.

b) Đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng: Thủ trưởng tổ chức chủ trì nhiệm vụ được chủ động điều chỉnh nội dung nhiệm vụ và tự chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh của mình.

3. Điều chỉnh kinh phí: Việc điều chỉnh kinh phí thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Điều chỉnh thời gian: Giám đốc Sở KH&CN xem xét điều chỉnh đối với nhiệm vụ cấp tỉnh. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN xem xét điều chỉnh đối với nhiệm vụ cấp cơ sở.

a) Thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được điều chỉnh 01 lần không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở lên và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện dưới 24 tháng.

b) Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng ít nhất 01 tháng. Việc rút ngắn thời gian thực hiện chỉ được xem xét khi đã hoàn thành được ít nhất 2/3 nội dung của nhiệm vụ.

5. Thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ, tổ chức chủ trì: Giám đốc Sở KH&CN xem xét đối với nhiệm vụ cấp tỉnh. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN xem xét đối với nhiệm vụ cấp cơ sở.

Chủ nhiệm nhiệm vụ, tổ chức chủ trì nhiệm vụ mới phải đáp ứng các yêu cầu tại Điều 9, 10, 11 Thông tư này.

6. Thủ tục điều chỉnh và các biểu mẫu vận dụng theo Thông tư số 04/2015/TT-BKH&CN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN Quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước này.

Điều 18. Chấm dứt hợp đồng, dừng triển khai nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở

1. Việc chấm dứt hợp đồng, dừng triển khai thực hiện nhiệm vụ trong các trường hợp sau:

a) Có căn cứ để khẳng định thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ KH&CN là không cần thiết, hướng nghiên cứu bế tắc và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn;

b) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ gặp các trường hợp bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh) dẫn đến không thể hoàn thành;

c) Tổ chức, cá nhân chủ trì bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu, quyết toán nhiệm vụ theo quy định pháp luật.

2. Trình tự, thẩm quyền thực hiện chấm dứt hợp đồng

a) Sau khi nhận được đề nghị chấm dứt hợp đồng, cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét và thông báo bằng văn bản tới tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ yêu cầu tạm dừng thực hiện nhiệm vụ.

Cơ quan quản lý nhiệm vụ chủ động hoặc yêu cầu tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ hoàn thiện hồ sơ để xem xét dừng, chấm dứt hợp đồng đối với các trường hợp do nguyên nhân chủ quan. Phối hợp với tổ chức, cá nhân chủ trì hoàn thiện hồ sơ xem xét dừng, chấm dứt hợp đồng đối với các trường hợp do nguyên nhân khách quan.

b) Tổ chức chủ trì phải ngừng mọi hoạt động có liên quan kể từ ngày có thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ, đồng thời báo cáo chi tiết bằng văn bản với cơ quan quản lý nhiệm vụ các nội dung đã thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí.

c) Thủ trưởng cơ quan quản lý nhiệm vụ thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá hồ sơ và hiện trạng nhiệm vụ cấp tỉnh, cấp cơ sở. Căn cứ vào kết quả và biên bản làm việc, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét quyết định chấm dứt hợp đồng, trong đó xác định rõ số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước, phương án xử lý sản phẩm, tài sản được hình thành hoặc mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước.

d) Cơ quan quản lý nhiệm vụ thực hiện kiểm kê, bàn giao kết quả, sản phẩm thực hiện nhiệm vụ, thanh lý hợp đồng với tổ chức chủ trì nhiệm vụ; quản lý và xử lý tài sản theo quy định hiện hành.

Điều 19. Nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở

1. Nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

Kể từ khi kết thúc hợp đồng, trong thời hạn 10 ngày làm việc tổ chức chủ trì tự tổ chức nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. Gửi hồ sơ nghiệm thu đến Sở KH&CN đề nghị nghiệm thu cấp tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày làm việc, Giám đốc Sở KH&CN thành lập hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh:

a) Hội đồng có 05 đến 07 thành viên bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên là cán bộ KH&CN; chuyên gia hoặc cán bộ quản lý thuộc các ngành, lĩnh vực liên quan, đơn vị dự kiến thụ hưởng kết quả của nhiệm vụ KH&CN, ưu tiên mời thành viên đã tham gia Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ. Trong trường hợp đặc biệt, Giám đốc Sở KH&CN có thể quyết định số lượng thành viên Hội đồng nhiều hơn quy định này.

b) Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó có chủ tịch hoặc phó chủ tịch được ủy quyền và có ít nhất 01 ủy viên phản biện có mặt, đồng thời phải có đủ 02 bản nhận xét của 02 ủy viên phản biện tại phiên họp hội đồng.

c) Các thành viên Hội đồng nhận tài liệu, hồ sơ trước khi họp hội đồng bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến ít nhất 03 ngày làm việc để nghiên cứu, nhận xét theo các biểu mẫu quy định.

d) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đánh giá một cách trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng. Các ý kiến kết luận của Hội đồng được thông qua khi trên 3/4 số thành viên của Hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức biểu quyết trực tiếp.

đ) Các thành viên Hội đồng tiến hành đánh giá hồ sơ nghiệm thu bằng Phiếu đánh giá. Nhiệm vụ KH&CN được đánh giá ở mức "Đạt" khi có 3/4 số thành viên của Hội đồng có mặt đánh giá "Đạt". Đối với nhiệm vụ đánh giá "Không đạt", Hội đồng có trách nhiệm xem xét, xác định những công việc đã thực hiện theo thuyết minh nhiệm vụ được phê duyệt và các hợp đồng thực hiện công việc có liên quan, làm rõ nguyên nhân (chủ quan, khách quan).

e) Các thành viên Hội đồng, thư ký hành chính có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá và kết quả đánh giá hồ sơ nghiệm thu và các sản phẩm của nhiệm vụ; không được lưu giữ, khai thác, công bố và sử dụng hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trái với quy định pháp luật hoặc chưa được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền.

f) Biên bản họp và kết luận của Hội đồng được gửi cho tổ chức chủ trì trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi kết thúc phiên họp để làm căn cứ cho việc chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

g) Trường hợp cần thiết, Sở KH&CN có thể lấy thêm ý kiến chuyên gia ngoài Hội đồng để đánh giá, nghiệm thu, bảo đảm việc công nhận kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ được chính xác khách quan.

2. Nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

Kể từ khi kết thúc họp đồng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, tổ chức chủ trì gửi hồ sơ nghiệm thu đến cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

a) Hội đồng có 03 đến 05 thành viên gồm: Chủ tịch, 01 ủy viên phản biện và các ủy viên là cán bộ KH&CN; chuyên gia hoặc cán bộ quản lý thuộc các ngành, lĩnh vực liên quan, đơn vị dự kiến thụ hưởng kết quả của nhiệm vụ KH&CN, ưu tiên mời thành viên đã tham gia Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ. Trong trường hợp đặc biệt có thể quyết định số lượng thành viên Hội đồng nhiều hơn quy định này.

b) Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 3/5 số thành viên (đối với hội đồng có 05 thành viên), trong đó có chủ tịch, ủy viên phản biện. Trường hợp có 03 thành viên thì phải có mặt đầy đủ các thành viên.

c) Các thành viên Hội đồng nhận tài liệu, hồ sơ trước khi họp hội đồng ít nhất 03 ngày làm việc để nghiên cứu, nhận xét theo các biểu mẫu quy định.

d) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đánh giá một cách trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng. Các ý kiến kết luận của Hội đồng được thông qua khi trên 2/3 số thành viên của Hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức bỏ phiếu hoặc biểu quyết trực tiếp.

đ) Các thành viên Hội đồng tiến hành đánh giá nghiệm thu bằng Phiếu đánh giá. Nhiệm vụ KH&CN được đánh giá ở mức "Đạt" khi có 2/3 số thành viên của Hội đồng có mặt đánh giá "Đạt". Đối với nhiệm vụ đánh giá "Không đạt", Hội đồng có trách nhiệm xem xét, xác định những công việc đã thực hiện theo thuyết minh nhiệm vụ được phê duyệt và các hợp đồng thực hiện công việc có liên quan, làm rõ nguyên nhân (chủ quan, khách quan).

e) Các thành viên Hội đồng, thư ký hành chính có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá và kết quả đánh giá hồ sơ nghiệm thu và các sản phẩm của nhiệm vụ; không được lưu giữ, khai thác, công bố và sử dụng hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trái với quy định pháp luật hoặc chưa được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền.

f) Biên bản họp và kết luận của Hội đồng được gửi cho tổ chức chủ trì trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi kết thúc phiên họp để làm căn cứ cho việc chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

g) Trường hợp cần thiết, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý ngân sách sự nghiệp KH&CN có thể lấy thêm ý kiến chuyên gia ngoài Hội đồng để đánh giá, nghiệm thu, bảo đảm việc công nhận kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ được chính xác khách quan.

3. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá “Đạt”: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh, cấp cơ sở, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN chịu trách nhiệm bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ nhiệm vụ theo kết luận của Hội đồng, lấy ý kiến xác nhận của Chủ tịch Hội đồng về việc hoàn thiện hồ sơ.

4. Đối với nhiệm vụ KH&CN được đánh giá "Không đạt": Thủ trưởng cơ quan quản lý nhiệm vụ xử lý theo quy định về nhiệm vụ KH&CN không hoàn thành.

5. Hồ sơ, biểu mẫu vận dụng theo Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương V

ĐĂNG KÝ LƯU GIỮ, CÔNG NHẬN, BÀN GIAO KẾT QUẢ, XỬ LÝ TÀI SẢN CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 20. Đăng ký lưu giữ, công nhận kết quả

1. Nhiệm vụ KH&CN được nghiệm thu ở mức “Đạt”, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện việc đăng ký lưu giữ kết quả nhiệm vụ tại Sở KH&CN theo quy định hiện hành. Sở KH&CN thu thập, xử lý thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ cập nhật vào cơ sở dữ liệu Quốc gia về KH&CN theo quy định.

2. Công nhận kết quả

a) Hồ sơ công nhận kết quả bao gồm: Biên bản đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN; Báo cáo về việc hoàn thiện Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu; Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

b) Sở KH&CN tổng hợp hồ sơ, trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định công nhận kết quả và quy định trách nhiệm tổ chức ứng dụng, nhân rộng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh. Giám đốc Sở KH&CN công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp cơ sở.

3. Chậm nhất trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhiệm vụ tổ chức thanh lý Hợp đồng.

4. Sử dụng thông tin kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đăng ký lưu giữ

a) Sở KH&CN hướng dẫn việc sử dụng thông tin kết quả nhiệm vụ KH&CN, dịch vụ thông tin KH&CN được thực hiện theo điều 12 Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 2 năm 2014 của Chính Phủ.

b) Đối với các nhiệm vụ KH&CN có thông tin kết quả thuộc danh mục bí mật nhà nước được quy định tại khoản 7 Điều 7 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018: Tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin phải tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành và phải được Giám đốc Sở KH&CN đồng ý.

c) Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin của kết quả nghiên cứu phải thanh toán các chi phí dịch vụ thông tin thư viện theo quy định hiện hành và tuân thủ pháp luật quy định về sở hữu trí tuệ.

5. Việc đăng ký, lưu giữ kết quả nhiệm vụ vận dụng theo Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

6. Sở KH&CN tổ chức bàn giao kết quả nhiệm vụ KH&CN đã nghiệm thu cho đơn vị được giao tổ chức ứng dụng, nhân rộng kết quả nghiên cứu. Đơn vị nhận bàn giao chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, phối hợp với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ ứng dụng, nhân rộng kết quả vào sản xuất và đời sống, báo cáo kết quả về Sở KH&CN để tổng hợp báo cáo UBND cấp tỉnh và Bộ KH&CN.

Điều 21. Quản lý, xử lý tài sản được trang bị và hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tài sản được trang bị và hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước được xử lý theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017, Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và các quy định hiện hành khác có liên quan.

2. Tài sản thuộc các nhiệm vụ KH&CN chấm dứt hợp đồng, dừng thực hiện, tổ chức chủ trì phải kiểm kê, đề xuất phương án xử lý bằng văn bản tới Sở KH&CN để xử lý theo quy định hiện hành.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 22. Trách nhiệm, quyền hạn của UBND cấp tỉnh

1. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN; phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí, thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh hàng năm.

2. Bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở trong kế hoạch 5 năm và hàng năm. Xây dựng cơ chế chính sách huy động nguồn lực, xã hội hóa trong triển khai các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở.

3. Phân cấp, ủy quyền cho Sở KH&CN tổ chức xác định nhiệm vụ; tuyển chọn giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; ký hợp đồng; kiểm tra, đánh giá; nghiệm thu, thanh lý hợp đồng; thanh tra và thực hiện các nội dung khác được quy định tại Thông tư này.

4. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh. Quyết định giao đơn vị tiếp nhận và ứng dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh vào thực tiễn sản xuất và đời sống.

Điều 23. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Căn cứ Thông tư này và các quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước cấp quốc gia khác, tham mưu cho UBND cấp tỉnh ban hành quy định, biểu mẫu phục vụ quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

2. Trình UBND cấp tỉnh phê duyệt danh mục, kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm và kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh hàng năm. Phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí, thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, nhiệm vụ cấp tỉnh (khi được ủy quyền). Trình UBND cấp tỉnh quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, dự kiến đơn vị tiếp nhận và ứng dụng kết quả vào thực tiễn sản xuất và đời sống.

3. Tổ chức thực hiện việc xác định nhiệm vụ; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; phê duyệt thuyết minh, dự toán kinh phí, ký hợp đồng; kiểm tra tiến độ thực hiện, tổ chức đánh giá, nghiệm thu và xử lý các vi phạm trong thực hiện nhiệm vụ KH&CN; thanh tra; xử lý tài sản; thực hiện đăng ký, lưu giữ, công bố kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở.

4. Chủ trì tham mưu cho UBND cấp tỉnh bố trí và giao dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở hằng năm. Huy động nguồn lực, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở theo quy định.

5. Đầu mối cung cấp, trao đổi thông tin, lựa chọn và giới thiệu các tổ chức, cá nhân có khả năng phối hợp thực hiện nhiệm vụ KH&CN để đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ứng dụng các kết quả, sản phẩm nghiên cứu vào thực tế tại địa phương.

6. Sở KH&CN định kỳ hoặc đột xuất chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra, thanh tra các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở theo quy định hiện hành.

7. Sở KH&CN xem xét khen thưởng và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý và triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở theo quy định hiện hành.

Điều 24. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về KH&CN cấp huyện, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN của tỉnh

1. Xây dựng các đề xuất đặt hàng, danh mục nhiệm vụ KH&CN; tổ chức Hội đồng tuyển chọn, xét giao trực tiếp và thẩm định kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

2. Phê duyệt thuyết minh, dự toán kinh phí; ký hợp đồng, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở. Phối hợp với Sở KH&CN trong việc thanh tra, xử lý vi phạm đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở. Tham gia đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN có liên quan.

3. Chịu trách nhiệm tổ chức ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh khi được Chủ tịch UBND tỉnh giao. Tổ chức ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở. Định kỳ hoặc đột xuất gửi báo cáo kết quả thực hiện để Sở KH&CN tổng hợp báo cáo UBND cấp tỉnh.

Điều 25. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

2. Lựa chọn cá nhân có đủ trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện, đáp ứng các tiêu chí quy định tại Thông tư này để làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN.

3. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với Sở KH&CN (đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh), với cơ quan chuyên môn về KH&CN cấp huyện, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN của tỉnh (đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở); ký hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ.

4. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện), nhân lực, huy động các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) và các điều kiện khác để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký.

5. Sử dụng có hiệu quả kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký với cơ quan quản lý nhiệm vụ; cấp đủ và đúng tiến độ kinh phí từ

các nguồn kinh phí đã cam kết trong hợp đồng cho chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ; thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

6. Thực hiện chế độ báo cáo với cơ quan quản lý nhiệm vụ theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ. Kiến nghị các điều chỉnh trong thực hiện mục tiêu, nội dung, sản phẩm của nhiệm vụ.

7. Tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của nhiệm vụ theo quy định của pháp luật (nếu có).

8. Thực hiện việc đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

9. Tổ chức quản lý, khai thác, chuyển giao các kết quả của nhiệm vụ, được hưởng các quyền lợi và chịu trách nhiệm phân phối các lợi ích từ các hoạt động trên theo quy định của pháp luật. Thực hiện giao nộp báo cáo kết quả ứng dụng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho Sở KH&CN tổng hợp báo cáo Bộ KH&CN theo quy định hiện hành.

10. Tổ chức chủ trì có nhiều thành tích trong thực hiện nhiệm vụ KH&CN được xem xét khen thưởng và giao thực hiện các nhiệm vụ KH&CN khác. Khi vi phạm hợp đồng; vi phạm các quy định của Thông tư này và các quy định hiện hành khác sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh, dự toán kinh phí của nhiệm vụ theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

2. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về tính trung thực, giá trị khoa học, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký; chịu trách nhiệm đề xuất với tổ chức chủ trì về phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hoá sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ; đề xuất, kiến nghị các điều chỉnh khi cần thiết.

3. Phối hợp với tổ chức chủ trì đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật (nếu có).

4. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tiến độ triển khai, sử dụng kinh phí và báo cáo kết quả thực hiện của nhiệm vụ với tổ chức chủ trì. Chủ trì xây dựng báo cáo tổng kết KH&CN và các tài liệu khác.

5. Được quyền khiếu nại lên các cấp có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN được giao.

6. Khi vi phạm hợp đồng; vi phạm các quy định của Thông tư này và các quy định hiện hành khác sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Khuyến khích áp dụng

Trên cơ sở các nội dung của Thông tư này, khuyến khích các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn áp dụng, triển khai thực hiện bằng nguồn kinh phí từ Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp hoặc các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 28. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2022.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan chuyên môn về KH&CN cấp tỉnh, cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể ban hành quy định cụ thể, chi tiết đối với việc quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở theo thẩm quyền và phù hợp với điều kiện thực tiễn ở địa phương song không trái với các nội dung được quy định nêu trên.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời phản ánh bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở KH&CN tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Công báo VPCP;
- Website Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, Vụ ĐP.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Giang

Số: /TTr-ĐP

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

Dự thảo

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Thông tư “Hướng dẫn quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

Thực hiện Quyết định số 342/QĐ-BKH&CN ngày 26/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Danh mục các văn bản soạn thảo mới năm 2021; Quyết định số 1505/QĐ-BKH&CN ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ KH&CN thành lập Tổ soạn thảo Thông tư, Vụ Phát triển khoa học và công nghệ địa phương (Vụ Địa phương) đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức soạn thảo Thông tư hướng dẫn quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là dự thảo Thông tư).

Vụ Địa phương kính trình Bộ trưởng xem xét, ban hành Thông tư với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Sự cần thiết ban hành Thông tư

Tại Điều 74 Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013, Điều 50 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 đã quy định trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ “Thống nhất quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp; hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước các cấp...”. Đồng thời, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (điểm d khoản 3 Điều 36) quy định cụ thể nội dung chi sự nghiệp khoa học và công nghệ trong tổng thể các nội dung chi thường xuyên của ngân sách nhà nước. Trong đó có nội dung chi ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước, hằng năm Trung ương cân đối ngân sách chi sự nghiệp khoa học và công nghệ cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổng kế giai đoạn 2015-2020 số kinh phí này là 18.372 tỷ đồng, trong đó 80% số kinh phí này là trực tiếp chi thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở. Tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn quản lý một cách

thống nhất trong toàn quốc loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở. Do vậy, dẫn đến một số vấn đề bất cập như:

- Các địa phương không thống nhất cách thức tổ chức quản lý (phương thức đặt hàng, đề xuất đặt hàng, tuyển chọn, xét chọn hay giao trực tiếp...) nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở.

- Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở bao gồm những loại hình nào (Chương trình, Đề án, Đề tài, Dự án...) và những loại hình đó phải đạt những tiêu chí, điều kiện, yêu cầu cụ thể như thế nào.

- Cách thức tổ chức thực hiện một nhiệm vụ như thế nào từ khâu xây dựng kế hoạch, kêu gọi đề xuất, rà soát tính trùng lặp, thành lập các hội đồng tư vấn cho đến công tác phê duyệt, ký hợp đồng, kiểm tra đánh giá, nghiệm thu và bàn giao sử dụng kết quả tạo ra... cũng như cần có phân cấp, ủy quyền cho các Sở KH&CN, cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở.

- Vấn đề ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất.

- Trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan liên quan đến việc phê duyệt, quản lý nhiệm vụ cấp tỉnh, cấp cơ sở.

- Huy động và sử dụng nguồn lực một cách hợp lý và hiệu quả...

Qua thực tế theo dõi hoạt động này cho thấy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của 63 địa phương ban hành các quy định về quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở rất đa dạng, thiếu tính thống nhất, tạo ra khó khăn không cần thiết cho các cơ quan chủ trì cũng như công tác quản lý¹. Những vấn đề bất cập này cũng được nhiều địa phương phản ánh tại các Hội nghị Giám đốc Sở hằng năm, Hội nghị giao ban KH&CN vùng... Gần đây nhất là ý kiến chính thức của các Sở KH&CN trả lời Công văn số 1717/BKH-CN-ĐP ngày 29/6/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc rà soát, đánh giá những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh, cấp cơ sở. Hầu hết ý kiến các địa phương đều thống nhất kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành một văn bản để hướng dẫn quản lý loại hình nhiệm vụ này một cách thống nhất trên toàn quốc.

Xuất phát từ yêu cầu quản lý và thực tiễn trong tổ chức thực hiện như trên, Bộ Khoa học và Công nghệ cần thiết ban hành thông tư “Hướng dẫn quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”.

2. Căn cứ ban hành Thông tư

- Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;

- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

¹Ví dụ như cơ quan chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ cùng đề xuất thực hiện một nhiệm vụ cấp tỉnh nhưng trình tự thủ tục, hồ sơ, phương thức thực hiện mỗi địa phương một khác nhau

- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015, sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2019;

- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

- Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ KH&CN;

- Các Thông tư hướng dẫn, quy định quản lý nhiệm vụ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Quan điểm chỉ đạo xây dựng dự thảo Thông tư

Căn cứ và vận dụng các quy định hiện hành của pháp luật về đặt hàng, đề xuất đặt hàng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, Thông tư này hướng dẫn quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhằm bảo đảm sự phù hợp, tính thống nhất trong hệ thống pháp luật KH&CN. Căn cứ hướng dẫn này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố ban hành quy định theo thẩm quyền để phù hợp với điều kiện thực tiễn ở địa phương.

4. Quá trình xây dựng Thông tư

Thực hiện Quyết định số 342/QĐ-BKHCN ngày 26/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Danh mục các văn bản soạn thảo mới năm 2021, Vụ Địa phương chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đã triển khai thực hiện các công việc sau:

- Tham mưu cho Bộ trưởng ban hành Quyết định số 1505/QĐ-BKHCN ngày 08/6/2021 thành lập Tổ soạn thảo Thông tư gồm có 12 người, đại diện các đơn vị: Vụ Pháp chế, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ KH&CN các ngành kinh tế kỹ thuật, Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên, Văn phòng Bộ và Vụ Địa phương.

- Hợp Tổ soạn thảo thống nhất tiến độ, kế hoạch, phương thức làm việc và phân công công việc cho từng thành viên.

- Gửi các Sở KH&CN báo cáo rà soát, đánh giá những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước (Công văn số 1717/BKHCN-ĐP ngày 29/6/2021). Kết quả đã nhận được đủ 63 ý kiến bằng văn bản của 63 Sở KH&CN.

- Tổ chức xây dựng Đề cương dự thảo Thông tư.

- Tổ chức lấy ý kiến của các chuyên gia là Lãnh đạo, nguyên Lãnh đạo Vụ Địa phương, Vụ Pháp chế; Vụ Kế hoạch – Tài chính; ý kiến của một số đồng chí là Lãnh đạo Sở, nguyên Lãnh đạo Sở KH&CN; ý kiến một số đồng chí ở các

đơn vị trong Bộ có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN để đóng góp cho đề cương và dự thảo Thông tư lần thứ nhất.

- Tổ chức tổng hợp, họp Tổ soạn thảo để phân tích, tiếp thu, giải trình ý kiến của các Sở KH&CN, các chuyên gia để hoàn thiện dự thảo Thông tư.

- Tổ chức tập hợp các quy định hiện hành về quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở của 63 tỉnh/thành phố để tìm hiểu, đánh giá sự giống nhau, khác nhau, đặc thù... về cách thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ này ở các địa phương, rút kinh nghiệm cho việc soạn thảo Thông tư.

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ 2 tuần/1 lần bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến Tổ soạn thảo, tọa đàm trao đổi về dự thảo Thông tư với các chuyên gia.

- Tổ chức lấy ý kiến góp ý của các đơn vị liên quan thuộc Bộ (28 đơn vị), đã nhận đủ 28/28 đơn vị góp ý bằng văn bản.

- Tổ chức họp Tổ soạn thảo tiếp thu, giải trình ý kiến của các đơn vị và hoàn thiện dự thảo Thông tư.

- Hoàn thiện dự thảo Thông tư, Tờ trình, Báo cáo giải trình tiếp thu các ý kiến, công văn gửi xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương.

5. Bố cục, nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư

Dự thảo Thông tư gồm 7 chương, 28 điều, bố cục theo các bước triển khai một nhiệm vụ KH&CN như: những quy định chung; đề xuất, xác định nhiệm vụ; tuyển chọn, xét chọn giao trực tiếp; ký hợp đồng, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu; đăng ký, lưu giữ, công nhận, bàn giao sử dụng kết quả; trách nhiệm, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân và tổ chức thực hiện. Bố cục cụ thể như sau:

- Chương I. Những quy định chung, gồm 4 điều: Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; Điều 2: Giải thích từ ngữ; Điều 3: Yêu cầu đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở; Điều 4: Mã số của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở.

- Chương II. Đề xuất, xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở, gồm 4 điều: Điều 5: Quy định về việc đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở; Điều 6: Quy định đơn vị có trách nhiệm tổng hợp danh mục nhiệm vụ KH&CN; Hình thức nộp đề xuất nhiệm vụ; Điều 7: Quy định về xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở; Điều 8: Quy định về thẩm quyền phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở (*tham chiếu Thông tư số 07/2014/TT-BKH&CN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 03/2017/TT-BKH&CN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN*).

- Chương III. Quy định về tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở, gồm 6 điều: Điều 9: Về tuyển chọn nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, trong đó quy định rõ yêu cầu đối với tổ chức chủ trì; cá nhân đăng ký

nhiệm vụ; cách thức tuyển chọn; Điều 10: Về tuyển chọn nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, quy định rõ yêu cầu đối với tổ chức chủ trì; cá nhân đăng ký nhiệm vụ; cách thức tuyển chọn; Điều 11: Về điều kiện tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ được giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở, thẩm quyền thông báo kết quả giao trực tiếp đến tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ; Điều 12: Quy định về cách thức nộp hồ sơ và mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở; Điều 13: Về Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp và Tổ thẩm định nội dung và kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở; Điều 14: Quy định về Phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp và kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở *(tham chiếu Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; khoản 1 Điều 30 Luật khoa học và công nghệ năm 2013 và Điều 3 Luật Sở hữu trí tuệ).*

- Chương IV. Quy định về ký hợp đồng, kiểm tra đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở, gồm 5 điều: Điều 15: Quy định về ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN, cách thức công bố thông tin phê duyệt và thẩm quyền ký hợp đồng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở; Điều 16: Quy định về kiểm tra, đánh giá thực hiện nhiệm vụ; Điều 17: Quy định về điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; Điều 18: Quy định về các trường hợp chấm dứt hợp đồng, dừng triển khai nhiệm vụ; Điều 19: Quy định về nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở *(tham chiếu mẫu hợp đồng theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10/4/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN; việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng tham chiếu Thông tư 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN).*

- Chương V. Quy định về đăng ký lưu giữ, công nhận, bàn giao kết quả, xử lý tài sản các nhiệm vụ KH&CN, gồm 2 điều: Điều 20: Quy định về Đăng ký lưu giữ, công nhận kết quả *(tham chiếu Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014; Thông tư 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ);* Điều 21: Quy định về Quản lý, xử lý tài sản được trang bị và hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ *(tham chiếu Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/năm 2017, Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ và các quy định hiện hành khác có liên quan về xử lý tài sản được trang bị và hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN).*

- Chương VI. Quy định về trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức, cá nhân, gồm 5 điều: Điều 22: Quy định về trách nhiệm, quyền hạn của UBND cấp tỉnh, ngoài việc quy định theo phân cấp, phân quyền để triển khai thực hiện nhiệm vụ

KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước có hiệu quả. Dự thảo Thông tư cũng đề nghị UBND cấp tỉnh xây dựng cơ chế chính sách huy động nguồn lực, xã hội hóa trong triển khai các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở; Điều 23: Quy định về trách nhiệm, quyền hạn của Sở KH&CN; Điều 24: Quy định về trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về KH&CN cấp huyện, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN của tỉnh; Điều 25: Quy định về trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở; Điều 26. Quy định về trách nhiệm và quyền hạn của chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN.

- Chương VII. Điều khoản thi hành, gồm 2 điều: Điều 27: Khuyến khích áp dụng Thông tư: Trên cơ sở các nội dung của Thông tư này, khuyến khích các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn áp dụng, triển khai thực hiện bằng nguồn kinh phí từ Quỹ phát triển sự nghiệp KH&CN hoặc các nguồn kinh phí hợp pháp khác; Điều 28: Hiệu lực thi hành.

Trên đây là báo cáo sự cần thiết, quá trình soạn thảo và những nội dung chính của dự thảo Thông tư hướng dẫn quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Vụ Phát triển khoa học và công nghệ địa phương, Vụ Pháp chế kính trình báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Pháp chế;
- Văn phòng Bộ;
- Lưu: VT, ĐP.

VỤ TRƯỞNG

Chu Thúc Đạt